

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
CỦA TỔ CHỨC HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/BTCTW, ngày tháng 12 năm 2025)

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
	I- Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý và trợ lý, thư ký	13
	1. Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý	12
	Ở Trung ương	06
1	Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
2	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
3	Trưởng Ban Công tác Cựu chiến binh	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
4	Phó trưởng Ban Công tác Cựu chiến binh	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
	Ở tỉnh, thành phố (cấp tỉnh)	04
5	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
7	Trưởng ban	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
8	Phó Trưởng ban	Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
	Ở xã, phường, đặc khu (cấp xã)	02
9	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã	Có thể là sỹ quan quân đội nghỉ hưu
10	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã	Kiểm nhiệm
	2. Vị trí việc làm trợ lý, thư ký	
1	Thư ký	Theo Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 19/8/2021 của Bộ Chính trị

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
	II- Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	17
	1. Ở Trung ương	11
1	Chuyên viên cao cấp về công tác Hội Cựu chiến binh	
2	Chuyên viên chính về công tác Hội Cựu chiến binh	
3	Chuyên viên về công tác Hội Cựu chiến binh	
4	Chuyên viên chính về chuyển đổi số	
5	Chuyên viên về chuyển đổi số	
6	Kế toán trưởng	
7	Kế toán viên	
8	Văn thư viên chính	
9	Văn thư viên	
10	Chuyên viên về lưu trữ	
11	Thủ quỹ	
	2. Ở tỉnh, thành phố (cấp tỉnh)	06
12	Chuyên viên chính về công tác Hội Cựu chiến binh	
13	Chuyên viên về công tác Hội Cựu chiến binh	
14	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán (nếu có)	
15	Kế toán viên	
16	Văn thư, lưu trữ	
17	Thủ quỹ	

Tổng số vị trí việc làm: **30**
